

Phụ lục 01

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 40 NĂM 2025

(Từ ngày 01/10 đến hết ngày 07/10/2025)

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	a	4	0	0	0	0	0	0	0
		b	46	0	6	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	a	22	0	0	0	0	0	0	0
		b	375	0	26	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	a	6	0	3	0	0	0	0	0
		b	76	0	10	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	a	17	0	1	0	0	0	0	0
		b	155	0	16	0	0	0	756	0
5	Đăk Đoa	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	151	0	20	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	10	0	7	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	6	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	a	8	0	1	0	0	0	0	0
		b	85	0	9	0	0	0	111	0
9	Ia Pa	a	7	0	0	0	0	0	0	0
		b	23	0	3	0	0	0	120	0
10	Kbang	a	1	0	1	0	0	0	0	0
		b	15	0	16	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	11	0	3	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	46	0	6	0	0	0	321	0
13	Mang Yang	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	21	0	8	0	0	0	95	0
14	Phú Thiện	a	11	0	0	0	0	0	0	0
		b	214	0	8	0	0	0	303	0
15	Pleiku	a	27	0	2	0	0	0	0	0
		b	362	0	51	0	0	0	328	0
16	An Khê	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	30	0	33	0	0	0	7	0
17	Ayun Pa	a	1	0	1	0	0	0	0	0
		b	36	0	6	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	a	5	0	3	0	0	0	0	0
		b	137	0	71	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	a	3	0	1	0	0	0	0	0
		b	125	0	70	0	0	0	50	0

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
20	An Nhơn	a	9	0	2	0	0	0	0	0
		b	138	0	45	0	0	0	47	0
21	Phù Cát	a	2	0	1	0	0	0	0	0
		b	82	0	24	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	3	0	7	0	0	0	0	0
		b	135	0	25	0	0	0	31	0
23	Hoài Nhơn	a	10	0	0	0	0	0	0	0
		b	169	0	59	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	3	0	0	0	0	0	0	0
		b	60	0	27	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	5	0	3	0	0	0	0	0
		b	94	0	27	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	4	0	0	0	0	0	0	0
		b	16	0	35	0	0	0	3	0
27	An Lão	a	7	0	0	0	0	0	0	0
		b	37	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	1	0	1	0	0	0	1	0
		b	39	0	11	0	0	0	36	0
	Ngoại lai	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
	Toàn tỉnh	a	161	0	27	0	0	0	1	0
		b	2694	0	636	0	0	0	4134	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02
TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 40 NĂM 2025
(Từ ngày 01/10 đến hết ngày 07/10/2025)

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhơn	Tuy Phước	An Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân (*)
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220	180	160
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	77.704	8.135	4.724	246	271	954	1.620	3,682	2093	3181	2.827	2041	
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	63.420	6.148	4.146	219	103	798	723	3,623	2002	3001	2.591	1757	
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	4.987	270	453	246	0	0	0	242	105	71	213	158	
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	14.029	1.233	691	1	5	37	156	473	213	419	261	194	
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	22.668	2.516	1.580	128	124	145	760	1,234	863	1260	1.169	876	
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	2.656	110	157	0	3	0	20	18	82	183	120	198	
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>	"	499	105	117	0	3	0	18	-	0	0	0	0	
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	2.156	3	40	0	0	0	2	18	82	183	120	198	
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	12.190	1.801	728	461	74	50	471	453	358	375	328	200	
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	11.332	1.736	705	450	70	47	339	444	352	360	327	176	
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	1.173	208	30	461	0	28	0	20	78	28	53	29	
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	2.675	320	152	6	2	3	1	93	41	99	72	30	
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	4.384	1.407	200	225	42	4	363	114	144	126	162	79	
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	494	73	30	0	10	1	3	5	9	35	13	46	
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>	"	97	42	13		1	0	3	-	0	0	0	0	
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	368	5	17	0	9	1	0	5	9	35	11	46	
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	58.376	12.730	3.535	2197	627	1.112	446	2,447	1196	2088	1.354	1672	
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10.065	1.801	652	162	67	70	355	386	202	363	260	204	
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	4.551	802	383	0	18	0	351	155	42	183	96	85	
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	4.735	820	215	150	40	69	0	214	151	143	143	69	
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	433	132	24	12	2	0	1	12	3	14	8	7	
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	334	46	30	0	7	1	3	5	6	23	13	43	
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	5	1	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	3	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	35.370	5.889	3.996	95	194	906	1.236	3,202	1883	2286	2.314	1841	
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	1.250	110	32	23	0	2	1	13	0	5	17	0	
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	242.323	29.445	25.974	624	1.358	25.368	6.180	39,196	22645	29167	31.299	9205	
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	4.984	2.186	199	260	0	56	5	214	0	45	102	0	
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	240.309	125.116	7.173	418	774	396	902	6,232	1609	3258	1.238	2403	
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	142.939	97.716	4.260	393	490	395	902	3,376	696	1236	549	642	
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	16.428	1.660	1.221	36	238	30	67	956	528	436	623	245	
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	5.318	1.157	391	24	76	23	11	236	96	90	68	50	
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2.862	1.071	258	0	18	0	0	49	0	33	0	0	
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	1.893	827	169	0	16	0	0	37	0	28	0	0	
12	Tổng số siêu âm	Lượt	20.636	2.436	1.148	29	25	16	268	837	223	620	296	303	
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	6.576	1.520	425	25	24	16	252	272	46	183	111	75	
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	7.044	1.006	562	57	14	142	0	363	136	322	311	259	
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	4.064	785	285	54	11	84	0	146	70	172	173	86	

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình	Bình Định	Thu Phúc	Mắt SG- Quy Nhơn	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao & BP Pleiku
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	250	60	60	130	90	335	55	21	1.000	350	130	70
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1392	2000	551	809	979	1978	4.328	535	630	4762	1601	156	51
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1373	1808	502	377	860	1893	2.282	516	561	4282	1138	151	38
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	106	189	100	14	8	101	0	8	0	138	0	156	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	183	174	70	426	138	115	737	38	62	20	1580	4	0
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	515	816	189	125	262	597	423	165	375	2420	0	87	13
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	78	100	20	34	44	58	13	11	0	155	12	2	2
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		0	0	0	0	0	0	0		0	138	12	0	2
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	78	100	20	34	44	58	13	11	0	17	0	2	0
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	181	410	57	63	136	57	374	3	162	806	484	69	58
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	178	398	57	62	134	56	338	3	161	719	413	69	56
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	26	24	3	7	6	10	0		0	10	0	69	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	12	18	0	11	30	1	129	1	0	14	473	4	0
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	60	177	0	13	71	18	41	1	142	238	0	32	17
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	14	26	0	6	16	3	11	1	0	15	8	1	4
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		0	0	0	0	0	0	0		0	3	7	0	2
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	14	26	0	6	16	3	11	1	0	12	1	1	2
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	855	1436	303	100	790	0	1.584	13	162	5668	3103	299	341
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	64	195	45	41	113	0	358	3	162	803	452	28	19
6.1	Số điều trị khỏi	"	35	83	12	16	32	14	159		161	29	350	12	0
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	19	83	27	19	65	35	185	2	1	687	92	14	18
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	3	3	0	6	3	0	12	1	0	67	4	1	0
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	7	26	6	0	13	3	2		0	19	5	1	1
6.5	Số tử vong	"	0	0	0	0	0	0	0		0	1	1	0	0
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	0	0	0	0	0	0	0		0	0	1	0	0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	14	1647	425	269	783	1860	2.385	521	468	184	0	87	20
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	14	21	0	15	7	162	16	8	0	162	0	5	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	34	8235	2.892	3641	54	654	29.461	7.854	468	260	0	118	395
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	34	242	0	90	7	162	55	32	0	238	0	118	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2045	967	445	409	879	4688	14.004	1.769	576	14080	2706	120	364
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	671	277	140	134	407	567	3.649	4	576	9844	2190	120	234
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	329	277	72	78	83	560	1369	105	0	1502	442	37	33
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	49	45	18	23	35	57	173	1	0	1166	304	37	14
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	0	19	55	0	0	0	204	6	0	603	27	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	5	19	0	0	0	43		0	571	23	0	0
12	Tổng số siêu âm	Lượt	319	168	14	60	104	555	2.481	184	8	1864	376	32	4
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	57	31	6	9	34	42	343		8	1351	167	31	4
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	159	110	13	8	72	29	582	38	27	1458	4	18	19
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	69	40	1	3	43	4	132		27	1310	1	18	12

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tâm TK Pleiku	331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Puh	Chư Sê	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	80	120	75	65	50	130	105	50	90	70	65	110	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	623	756	567	658	587	2.332	818	377	1165	959	588	764	142
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	568	584	527	607	557	2.227	786	349	1109	820	510	627	125
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	0	0	37	243	0	297	114	6	321	573	76	53	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	22	88	126	154	149	687	129	96	265	205	150	126	37
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	75	195	144	182	149	575	237	96	233	230	109	195	22
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	0	8	24	39	70	83	89	19	137	60	12	29	35
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		0	1	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	1	7	24	39	70	83	89	19	137	60	12	29	35
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	69	88	79	155	86	237	107	46	157	109	81	155	53
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	63	84	75	136	80	216	96	45	145	104	80	149	51
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	0	0	1	16	0	1	10	1	1	15	0	1	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	2	9	31	30	9	29	12	20	79	28	38	51	10
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	2	20	15	16	14	39	27	5	18	17	11	27	6
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	1	2	3	4	4	7	6	0	33	3	3	5	18
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	0	2	3	4	4	7	6	0	33	3	3	5	18
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	467	420	359	553	388	736	586	260	448	389	351	826	224
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	33	79	64	90	64	179	101	43	117	86	80	128	55
6.1	Số điều trị khỏi	"	0	11	34	86	0	99	85	38	114	70	53	112	17
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	31	61	24	2	58	56	10	4	3	13	24	11	20
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	1	5	3	0	2	19	6	1	0	3	3	1	0
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1	2	3	2	5	5	-	0	0	0	0	4	18
6.5	Số tử vong	"	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0		0
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	595	600	20	11	0	22	9	9	23	1	8	15	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	0	41	20	11	0	22	9	9	23	1	8	15	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	0	723	28	0	0	45	91	21	17	15	35	102	27
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	0	123	28	0	0	45	91	21	17	0	6	11	3
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	49	777	276	490	641	779	815	301	959	384	452	946	7
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	38	222	117	181	105	252	132	78	232	122	162	216	1
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	0	195	80	70	133	188	146	18	83	60	118	186	7
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	41	12	11	29	61	16	2	17	14	5	32	6
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	0	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	0
12	Tổng số siêu âm	Lượt	0	163	108	91	104	349	145	51	175	45	92	163	20
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	43	32	16	21	41	22	8	28	10	9	30	11
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	0	29	3	4	0	61	9	0	8	0	0	13	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	8	1	2	0	12	4	0	0	0	0	6	0

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện	TX An Khê	TX Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	95	75	85	160	180	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1253	676	1.103	1479	1203	3.225	5522	4776	935		201	330	797
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	1221	647	984	1428	990	2788	2528	4197	663		201	323	781
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	0	5	46	62	13	426	0	137	0		0	0	0
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	398	114	311	307	265	333	1268	1046	203		11	79	230
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	205	225	277	512	272	1174	934	678	224		16	107	193
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	164	120	94	36	16	108	27	12	1		6	16	31
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		72	0	0	0	0	0	20	10	1		0	0	0
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	92	120	94	36	16	108	7	2	0		6	16	31
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	150	95	197	274	251	205	610	559	61		18	65	124
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	142	92	175	252	223	202	527	493	51		18	63	120
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	0	1	6	0	7	17	0	6	0		0	0	0
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	62	21	39	105	97	14	218	176	2		1	30	50
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	16	10	61	58	42	39	115	97	23		1	7	22
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	17	12	10	4	4	5	9	7	2		0	0	5
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		15	0	0	0	0	0	5	4	2		0	0	0
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	2	12	10	4	4	5	4	3	0		0	0	5
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	611	486	775	414	983	715	2858	2781	179		84	388	482
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	157	95	120	126	221	146	539	489	60		15	60	113
6.1	Số điều trị khỏi	"	127	74	50	65	67	131	0	269	15		0	0	16
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	12	13	28	38	118	8	526	208	43		15	60	88
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	1	8	4	20	12	3	9	8	1		0	0	8
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	16	0	2	3	2	4	4	2	1		0	0	0
6.5	Số tử vong	"	1	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	1
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	1	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	1
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	890	21	12	11	96	2989	259	473	0		0	0	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	10	21	12	11	96	15	149	164	0		0	0	0
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	4450	126	21	19	576	81	103	473	0		0	0	0
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	26	128	3	2	96	81	94	164	0		0	0	0
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	649	393	1.216	1286	717	1912	14856	24437	350		203	220	849
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	205	113	461	612	294	786	3424	8429	350		16	112	184
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	141	66	156	241	115	296	1153	1869	0		0	44	136
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	15	16	20	69	24	38	179	539	0		0	9	19
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	0	0	0	28	20	0	32	439	0		0	0	0
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	0	0	0	12	4	0	5	134	0		0	0	0
12	Tổng số siêu âm	Lượt	253	80	287	277	171	242	2066	3026	127		7	78	146
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	46	27	57	101	65	51	308	540	25		2	30	21
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	5	0	65	60	5	17	245	744	54		0	0	13
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	5	0	23	31	5	11	63	304	54		0	0	9

(*): Đơn vị không báo cáo